10. Xã Phước Lập có diện tích tự nhiên 3.442,78 hécta; nhân khẩu 5942.

Địa giới xã Phước Lập: phía Đông giáp xã Tân Lập 1 và xã Tân Lập 2; phía Tây giáp huyện Châu Thành và xã Mỹ Hạnh Đông, xã Tân Phú huyện Cai Lậy; phía Nam giáp xã Long Định; phía Bắc giáp xã Mỹ Phước và thị trấn Mỹ Phước.

11. Xã Tân Lập 1 có diện tích tự nhiên 2.870,99 hécta; nhân khẩu 1800.

Địa giới xã Tân Lập 1: phía Đông giáp xã Tân Lý Đông; phía Tây giáp xã Phước Lập; phía Nam giáp xã Long Định, xã Tam Hiệp, xã Thân Cửu Nghĩa; phía Bắc giáp xã Tân Lập 2 và xã Tân Hòa Thành.

12. Xã Tân Lập 2 có diện tích tự nhiên 1.647,11 hécta; nhân khẩu 1525.

Địa giới xã Tân Lập 2: phía Đông giáp xã Hưng Thạnh và xã Tân Hòa Thành; phía Tây giáp xã Phước Lập; phía Nam giáp xã Tân Lập 1; phía Bắc giáp xã Mỹ Phước và xã Hưng Thạnh.

13. Thị trấn Mỹ Phước có diện tích tự nhiên 247,57 hécta; nhân khẩu 2000.

Địa giới thị trấn Mỹ Phước: phía Đông, phía Tây, phía Nam giáp xã Phước Lập; phía Bắc giáp xã Mỹ Phước.

- Huyện Cai Lậy còn lại diện tích tự nhiên 40.893,66 hécta; nhân khẩu 314.243; Gồm 28 đơn vị hành chính là các xã Ngũ Hiệp, Tam Bình, Tân Phong, Long Trung, Hội Xuân, Hiệp Đức, Long Tiên, Mỹ Long, Phú Quý, Long Khánh, Cẩm Sơn, Phú An, Nhị Quý, Nhị Mỹ, Thanh Hòa, Bình Phú, Phú Nhuận, Tân Bình, Tân Hội, Tân Phú, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Phước Tây, Phú Cường, Thạnh Lộc, Mỹ Thành Bắc, Mỹ Thành Nam và thị trấn Cai Lậy.

Địa giới huyện Cai Lậy: phía Đông giáp huyện Châu Thành; phía Tây giáp huyện Cái Bè; phía Nam giáp tỉnh Bến Tre; phía Bắc giáp tỉnh Long An và huyện Tân Phước.

- Huyện Châu Thành còn lại diện tích tự nhiên 25.376,03 hécta; nhân khẩu 243.880. Gồm 24 đơn vị hành chính là các xã Phú Phong, Kim Sơn, Song Thuận, Bàn Long, Vĩnh Kim, Bình Trưng, Hữu Đạo, Đông Hòa, Long Hưng, Dưỡng Điềm, Điềm Hy, Nhị Bình, Long Định, Tam Hiệp, Phước Thạnh, Thạnh Phú, Bình Đức, Thân Cửu Nghĩa, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hội Đông, Tân Hương, Long An và thị trấn Tân Hiệp.

Địa giới huyện Châu Thành: phía Đông giáp huyện Chợ Gạo và thành phố Mỹ Tho; phía Tây giáp huyện Cai Lậy; phía Nam giáp tỉnh Bến Tre; phía Bắc giáp huyện Tân Phước.

Điều 2. - Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký, những quy định trong các văn bản trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIỆT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 71-CP ngày 13-7-1994 về giáo dục quốc phòng trong hệ thống các trường chính trị, hành chính, đoàn thể.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Điều 44, 46, 77, 112, 115 chương IV, V, VII của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Đưa bộ môn giáo dục quốc phòng thành môn học bắt buộc trong hệ thống các trường chính trị, hành chính và đoàn thể ở các cấp.

Điều 2. - Thời gian, nội dung môn giáo dục quốc phòng Bộ Quốc phòng bàn với các ngành liên quan xác định cho phù hợp.

Điều 3. - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ; Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh,

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

T.M. Chính Phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
NGUYỄN KHÁNH

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 72-CP ngày 26-7-1994 về việc ban hành Quy chế phát hành các loại trái phiếu Chính phủ.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế phát hành các loại trái phiếu Chính phủ.

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 3.- Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

QUY CHẾ phát hành các loại trái phiếu Chính phủ

(Ban hành kèm theo Nghị định số 72-CP ngày 26-7-1994 của Chính phủ).

Điều 1. - Trái phiếu Chính phủ là chứng chỉ vay nợ của Chính phủ do Bộ Tài chính phát hành, có thời hạn, có mệnh giá, có lãi.

Điều 2. - Trái phiếu Chính phủ bao gồm các loại ký danh và vô danh, được phát hành dưới các hình thức sau:

1. Tín phiếu Kho bạc: Là loại trái phiếu ngắn hạn dưới 1 năm.

2. Trái phiếu Kho bạc: Là loại trái phiếu có thời hạn từ một năm trở lên.

3. Trái phiếu công trình: Là loại trái phiếu có thời hạn từ một năm trở lên, vay vốn cho từng công trình cụ thể theo kế hoạch đầu tư của Nhà nước.

Điều 3. - Trái phiếu Chính phủ thu bằng đồng Việt Nam, và thanh toán bằng đồng Việt Nam.

Trường hợp người mua trái phiếu bằng vàng và ngoại tệ, sẽ được cơ quan phát hành trái phiếu chuyển đổi thành đồng Việt Nam.

Điều 4. - Người mua trái phiếu Chính phủ được quyền lựa chọn các loại trái phiếu thích hợp với số lượng không hạn chế. Trái phiếu Chính phủ được mua, bán ở thị trường chứng khoán, chuyển nhượng, thừa kế; được dùng làm tài sản thế chấp, cầm cố trong các quan hệ tín dụng.

Không được dùng trái phiếu Chính phủ thay thế tiền trong lưu thông và nộp thuế cho Nhà nước.

Điều 5. - Chính phủ bảo đảm thanh toán đầy đủ, đúng hạn cả gốc và lãi cho người chủ sở hữu trái phiếu Chính phủ.

Điều 6. - Lãi suất trái phiếu Chính phủ bảo đảm cho người mua trái phiếu được hưởng lãi suất thực cộng (+) với chỉ số trượt giá.

Bộ Tài chính thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất:

a) Lãi suất cố định áp dụng cho cả thời hạn phát hành;

b) Lãi suất cố định áp dụng từng năm trong thời hạn phát hành;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com